

SỐ 1598

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH (2)

Tác giả: Bồ-tát Vô Tánh.

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang

### QUYỂN 1

#### Phần thứ 1: NÊU TỔNG QUÁT VỀ CƯƠNG YẾU

*Kính lạy Đại giác, chư Như Lai,  
Chánh pháp Vô thượng Thánh chúng thật,  
Vì lợi tự tha pháp trụ mãi,  
Nên con lược thích Nhiếp Đại thừa.*

**Luận nói:** “Trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma, đức Bạc-già-phạm, trước đã khéo nhập Đại thừa Bồ-tát, vì hiển thể lớn lao của Đại thừa cho nên nói”.

**Giải thích:** Muốn lấy mười nghĩa để thâm tóm hết thủy yếu nghĩa của Đại thừa, nghĩa đó có thể hiển thể tánh của luận này, là Thánh giáo, dùng Thánh giáo này làm cửa mà nói câu mở đầu “Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma...”. Vì chọn lựa nhân của pháp, hoặc cùng chung hiểu biết, nên A-tỳ-đạt-ma lấy tướng làm cờ hiệu. “Kinh Đại thừa”, là để lựa riêng với các kinh luận khác. Nếu giải thích sơ lược thì cũng là thừa, cũng là đại, hoặc là thừa đại tánh, nên gọi là Đại thừa, vì nhân quả lớn, vì nghiệp vận chuyển đầy đủ.

Quả là mười Địa, nếu giải thích rộng thì có bảy thứ tánh đại cùng chung tương ưng, nghĩa là Bồ-đề phần, Ba-la-mật-đa và tướng học trì... kết nối thông suốt do đó gọi là Kinh, ở đây thì tùy trong tám thời, trực thuyết và phi trực thuyết trên thức của người nghe, tụ tập hiển hiện lấy

làm thể tánh. Nếu như thế thì làm sao Bồ-tát có thể nói không phải thức của người nghe? Vì Bồ-tát kia có thể nói, Bồ-tát kia sinh tăng thượng nên khởi nói như vậy, ví như lực tăng thượng của chư Thiên... Khiến cho trong mộng được Luận, được thần chú...

Nếu lia Thức thì Phật làm sao nói những câu trong Khế Kinh? Ngữ (câu nói) làm tự tánh cũng không xứng lý, vì mỗi mỗi chữ là chủ thể nêu giảng hiển nghĩa thì không xứng lý, thứ tự mà sinh thì không đồng thời trụ, vì không có tụ tập. Như vậy thì không đắc tự tánh của thức, vì ngữ không có chuyển nên không xứng lý. Lại nữa, không phải không có chữ (tự) chuyển biến mà có ít danh chủ thể nêu giảng, nên các Khế Kinh gọi là tự tánh cũng không xứng lý, do đó quyết định như chỗ thuyết kinh, tự tánh xứng lý trong chỗ thuyết kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma này.

“Đức Bạc-già-phạm”, là phá các ma, có thể phá bốn thứ đại ma oán, nên gọi là đức Bạc-già-phạm. Bốn thứ ma oán: 1. Ma phiền não. 2. Ma uẩn. 3. Ma thiên. 4. Ma tử. Nương vào Tam-ma-địa không, có thể phá tất cả thô trọng ma phiền não, trụ tướng chuyển y thì vô lượng thiện căn tùybthuận chứng đắc, hoặc lại nương tựa tinh tấn lực huệ lực, có thể phá ma uẩn, nương vào đẳng trì từ có thể phá ma thiên, nương vào tu thần túc có thể phá ma tử. Vì có khả năng phá bốn ma như vậy, nên gọi là đức Bạc-già-phạm. Lại nữa, công đức của các tự tại tương ứng nên nói Phật là đức Bạc-già-phạm. Tại sao vậy? Vì phải tuyên thuyết Phật Thế Tôn, đối với những điều trước kia, hiển thị Phật khai thuyết thừa nhận có thể lưu thông rộng, thân cận đối với Đại sư không có gì nào khác, như kinh Thập Địa, người đã có thể khéo nhập Đại thừa, hoặc nương vào dấu vết của đức, hoặc cùng chung biết rõ, là người kia đã có thể khéo nhập Đại thừa, hoặc đối với người này đã cực kỳ khéo nhập, nên gọi là “Đã có thể khéo nhập Đại thừa”, hiển thị người ấy đã đắc các công đức Đà-la-ni biện tài, đối với nghĩa của Đại thừa có thể thọ trì và có thể mở rộng ra, nên nương vào nghĩa này mà nói tên đức Bạc-già-phạm như vậy.

Nói “Bồ-tát” là Bồ-đề Tát-đoả làm cảnh đối tượng nên gọi là Bồ-tát, dựa vào những lời hoằng thệ mà lập Bồ-tát thanh (tiếng phát âm Bồ-tát), cũng thấy các Kinh Luận khác dùng cảnh đối tượng mà nói tên đó. Như bất tịnh... là cảnh đối tượng, thì hai Tam-ma-địa gọi là Bất tịnh, gọi là Không, hoặc ngay trên tâm đó, vì cầu Bồ-đề mà có chí, có khả năng, nên gọi là Bồ-tát.

“Vì hiển thể lớn lao của Đại thừa”, là thậm thâm cao rộng Vô thượng nên gọi là thể lớn lao. Thể thanh (tiếng phát âm thể) tức là nói

tác dụng của tự tánh, cũng như thế gian nói sức nóng ấm của lửa làm thể, cái hại của độc làm thể. Thể này lớn nên gọi là thể lớn lao. “Hiển”, là khai thị chỗ chưa hiểu biết của người khác. “Vị”, là vì muốn.

**Luận nói:** “Nói nương Đại thừa mà chư Phật Thế Tôn có mười tướng thù thắng ngữ thù thắng: 1. Chỗ dựa của đối tượng nhận thức thù thắng thù thắng ngữ. 2. Tướng của đối tượng nhận thức thù thắng thù thắng ngữ. 3. Nhập tướng của đối tượng nhận thức thù thắng thù thắng ngữ. 4. Nhập nhân quả ấy thù thắng thù thắng ngữ. 5. Nhân quả tu sai biệt ấy thù thắng thù thắng ngữ. 6. Ngay trong tu sai biệt như vậy giới tăng thượng thù thắng thù thắng ngữ. 7. Ngay trong tu sai biệt như vậy tâm tăng thượng thù thắng thù thắng ngữ. 8. Ngay trong tu sai biệt như vậy huệ tăng thượng thù thắng thù thắng ngữ. 9. Quả đoạn ấy thù thắng thù thắng ngữ. 10. Quả trí ấy thù thắng thù thắng ngữ. Do điều nói này, các câu trong Khế Kinh của chư Phật Thế Tôn hiển thị Đại thừa đúng là lời của Phật”.

**Giải thích:** Nói “thanh (tiếng)”, tức là lược nêu chỗ nói nghĩa của mười tướng xứ. “Nương Đại thừa”, là những gì làm nói không phải là Thanh-văn thừa, cũng không phải là thế gian, mà nêu ra Đại thừa để làm nghĩa quyết định. “Hiển chỗ dựa”, tức thừa này không phải thừa nào khác, nương vào thế gian là do các tướng khác, khác với lời Phật nói. Như tụng nói:

*Đế ngữ mà không giận,  
Thí ít không mong cầu.*

Như vậy, nếu nương vào Thanh-văn, thì do các tướng khác nên khác với Đại thừa. Như có tụng nói:

*Các hành vô thường,*

Pháp có sinh diệt,

Như vậy, nên nêu lại Đại thừa là xứng lý.

“Có mười”, là lấy số hiển số lượng Phật ngữ thù thắng, để an lập thể của luận.

“Tướng”, là chủng loại, tức tướng này lần lược có sai biệt không xen tạp nên gọi là thù thắng, hoặc lại đối chiếu với các pháp của Thanh-văn Độc giác kia, rất xa xôi và mơ hồ. Lại nữa, vì tăng thượng nên gọi là thù thắng, có thể dẫn phát đại Bồ-đề, là do mười tướng này là thù thắng. Ngữ thù thắng kia, do đó nói có mười tướng thù thắng, ngữ thù thắng.

“Phật Thế Tôn”, là đã diệt tận nhiễm ô, bất nhiễm ô, nơi hai thứ si và thù miên. Đối với trí của tất cả đối tượng nhận thức là nghĩa khai

phát, nên gọi là Phật, như Sĩ phu tỉnh thức, như hoa sen nở. Như có người nói: “Tỉnh thức nghĩa khai phát, có khi nghiệp Phật giới”. Như vậy v.v...

**Luận nói:** “Lại nữa, làm sao có thể hiển mười xứ này, đối với Thanh-văn thừa chưa từng thấy nói, chỉ có trong Đại thừa các Kinh Luận đều thấy nói. Nói thức A-lại-da là chỗ dựa của đối tượng nhận thức thể. Ba thứ tự tánh là: 1. Tự tánh Y tha khởi. 2. Tự tánh Biến kế sở chấp. 3. Tự tánh Viên thành thật. Ba tánh này gọi là thể tướng của đối tượng nhận thức, duy tánh thức gọi là nhập tướng của thể đối tượng nhận thức, sáu Ba-la-mật-đa gọi là bỉ nhập thể của nhân quả, Bồ-tát mười địa gọi là thể của nhân quả tu sai biệt, Bồ-tát luật nghi gọi là giới thể tăng thượng trong đây, các Tam-ma-địa Thủ-lăng-già-ma, hư không tạng, gọi là tâm thể tăng thượng, trong đây, Trí vô phân biệt gọi là Thể huệ tăng thượng, trong đây Niết-bàn Vô trụ gọi là Thể quả đoạn. Ba thứ thân Phật là: 1. Thân tự tánh. 2. Thân thọ dụng. 3. Thân biến hóa. Ba thân này gọi là của thể quả trí, do chỗ nói mười xứ này hiển thị Đại thừa khác với Thanh-văn thừa. Lại nữa, hiển thị tối thắng, đức Thế Tôn chỉ vì Bồ-tát mà tuyên thuyết, nên phải biết chỉ nương vào Đại thừa, chư Phật Thế Tôn có mười tướng thù thắng, ngữ thù thắng”.

**Giải thích:** Chỗ đáng nên biết gọi là đối tượng nhận thức, y là chỗ dựa. Thanh nơi chỗ dựa này lựa riêng lấy chủ thể dựa, là các pháp Hữu vi tạp nhiễm và thanh tịnh, không coi là vô vi, vì vô vi không có nghĩa sở y. Chỗ dựa tức là thức A-lại-da, là nhân của vô vi, có thể dẫn phát vô vi, như chỗ thích ứng của nó, nếu như thế thì đối tượng nhận thức là nơi tựa của đối tượng nhận thức, vì thức dị thực là của tánh đối tượng nhận thức nên không trái nhau, chỗ dựa của đối tượng nhận thức này tức là thù thắng, vì thù thắng ấy nên ngữ cũng thù thắng, tức là chư Phật Thế Tôn trước đã nói: “Tất cả xứ tùy chuyển”.

Tướng của đối tượng nhận thức, là của tự tánh đối tượng nhận thức, vì là tướng của đối tượng, nương vào nghiệp vận hành nói là đối tượng nhận thức, đối tượng được đoạn trừ, đối tượng được chứng đắc... của Đa-trí-lỗ-trà, hoặc nương vào sự vận hành đủ lấy Biến kế sở chấp nơi tướng không có tướng của đối tượng để tiêu biểu về vô tánh, tánh Viên thành thật là cộng tướng của nó, tánh Y tha khởi là tự tướng của nó. Nghĩa của ngã, hữu tình thì thức lần lượt có riêng khác, như địa giới... lấy tánh cứng rắn của nó làm tướng có thể biểu thị, tuy không có dị tánh nhưng nói là tướng, cũng như tuyên nói tướng đại Sĩ phu, thì sư của Kinh Bộ... sinh ra các tướng, do nhân duyên này, hoặc đối tượng nhận thức là

tướng, hoặc tướng của đối tượng nhận thức, do đó gọi là tướng của đối tượng nhận thức, vì nói không có dị tánh, dị tánh và không có dị tánh, như điều thích ứng của nó nên tướng này cũng vậy.

Nhập tướng của đối tượng nhận thức, là có thể nhập chỗ cần biết nơi tướng này, hoặc là chủ thể nhập của tướng của đối tượng nhận thức. Nhập, là hiện quán nhập nơi tướng của đối tượng nhận thức, tức là tánh duy thức, đây tức là thù thắng, vì thù thắng này nên ngữ cũng thù thắng.

Nhập nhân quả ấy, là tánh duy thức gọi là nhập hạnh thắng giải Địa, khi tu gia hạnh Ba-la-mật-đa chưa tịnh của thế gian gọi là nhập nhân. Khi đã chứng nhập tức là ý lạc thanh tịnh tăng thượng gồm sáu Ba-la-mật-đa xuất thế gian, gọi là Nhập quả. Nhập nhân quả kia tức là thù thắng, vì thù thắng này nên ngữ thù thắng.

Nhân quả ấy tu sai biệt, tức là nhân quả của tánh duy thức, luôn luôn luyện tập nhân quả này nên gọi là tu, từng phần khác nhau nên gọi là sai biệt. Nhập nhân quả ấy tu tánh sai biệt tức là mười địa, là thù thắng, vì thù thắng này nên ngữ cũng thù thắng. Ngay trong các địa Ba-la-mật-đa tu sai biệt sáu lấy rồi sau đó siêng năng tu học, tức là các địa này làm chỗ dựa an lập ba học:

1. Giới học tăng thượng, là chỗ dựa giới mà chánh cần tu học, do đó gọi là giới học tăng thượng, tức luật nghi của Bồ-tát trong các địa: Xa lìa các ác, tạo lợi ích cho hữu tình, sáu tóm tắt cả thiện, là ba thứ tịnh giới chỗ thọ Thi-la, để phòng hộ các nghiệp thân khẩu... sinh trụ... trong quá khứ. Như người điều phục ngựa, rất khéo chế ngự nên gọi là luật nghi. Như vậy tức nương vào Thi-la tăng thượng mà tu học chánh hạnh nên gọi là học. Vì giới này tức thù thắng, vì thù thắng ấy nên ngữ cũng thù thắng.

2. Tâm học tăng thượng là chỗ dựa tâm mà chánh cần tu học, do đó gọi là tâm học tăng thượng, tánh của tâm này tức là các Tam-ma-địa như hư không tạng... chữ đấng (vân vân...) Là bao gồm Tam-ma-địa vương của hiền hộ... Lại nữa, trong tâm học tăng thượng nói :

*Ngay các Tam-ma-địa,  
Đại sư nói là tâm,  
Màu sắc do tâm vẽ,  
Như sự nghiệp đã làm.*

3. Huệ học tăng thượng, là chỗ dựa huệ này mà chánh cần tu học, do đó gọi là huệ học tăng thượng, tánh của huệ này tức là Trí vô phân biệt, đối trị tất cả hý luận phân biệt. Trong ấy Trí vô phân biệt gia hạnh

căn bản chỗ dựa tức là Trí vô phân biệt, Căn bản hậu đắc nương dựa, nương dựa như vậy không phải là chỗ nói kế tiếp. Như vậy ba thứ học giới tâm huệ là thể tánh của đạo. Hai thứ của quả kia là: 1. Đoạn. 2. Trí. Vì huệ này thù thắng nên ngữ cũng thù thắng.

Quả đoạn kia, là các học quả kia gọi là bỉ quả. Bỉ quả tức là đoạn nên gọi là quả kia đoạn. Tánh của đoạn này là đó chướng chỉ là khách, lia trôi buộc, chân như giải thoát, Niết-bàn Vô trụ, vì thấy tịch tĩnh đó nên sinh tử tức Niết-bàn, là quả kia làm duyên, không có nhiễm chấp, không phải Niết-bàn giới Vô dư y nên là Vô trụ. Vì đoạn này là thù thắng, vì thù thắng ấy nên ngữ cũng thù thắng.

Quả trí kia, là các học quả kia gọi là bỉ quả, bỉ quả tức là trí nên gọi là quả trí kia. Tánh của trí này tức là ba thứ thân Phật: 1. Thân tự tánh, tức là trí vô cấu không trở ngại, là nghĩa của pháp thân. Hiện tại quả trí này cùng với Trí vô phân biệt kia có sai biệt gì? Vì cả thấy phân biệt của hai thứ như vậy đều không hiện hành, Trí vô phân biệt kia có đối trị, có tạo tác, quả trí này là chỗ tạo tác đã làm xong của trí kia, tức có sai biệt như vậy. 2. Thân thọ dụng, tức là trí hậu đắc, do lực thù thắng của trí này và các chúng đại Bồ-tát thù thắng cùng chung thọ diệu pháp lạc bất cộng, làm xong các sự thọ dụng như vậy nên gọi là thân thọ dụng. Nếu không có Trí thanh tịnh ngoài như vậy, thì việc làm của Bồ-tát và tư lương khác đáng lẽ phải không viên mãn. 3. Thân biến hóa, tức là sai biệt của trí hậu đắc, ngay trên chủ thể biến hóa gọi là thân biến hóa, sự hiển hiện của lực tăng thượng này tức là sự sai biệt của trí, tức do trí hậu đắc này mà có thể hàng phục các Luận khác, và cùng thọ pháp lạc với Bồ-tát không có đoạn dứt. Các chúng Bồ-tát làm xong nghiệp ban đầu, thì đó là việc nên làm của các Thanh-văn, Độc giác. Ví như nhãn thức, lãnh thọ rõ các sắc, nếu không có nhãn thức thì các sắc này cũng phải không có. Đây là thù thắng, vì thù thắng ấy nên ngữ cũng thù thắng. Do đây đã nói mười xứ, là mười xứ này và những cái khác là nghĩa chung của Đại thừa. Xứ nghĩa là sự. Khác với Thanh-văn thừa, là đối với họ, không nói sự này. Lại nữa, “hiển bày tối thắng”, là nói rõ ráo về đạo của quả Phật. “Thế Tôn chỉ vì Bồ-tát mà nói”, là trong đây nên nói cho Bồ-tát, chỉ vì Bồ-tát mà nói, do Phật hiện thấy sự khai phát thừa nhận của Phật mà nói, gọi là Thế Tôn nói. Như các Kinh mười Địa... nên đầu tiên là nói đức Bạc-già-phạm.

**Luận nói:** “Lại nữa, mười tướng thù thắng này là gì? Vì Như Lai ngữ thù thắng nên hiển đối với Đại thừa, đúng là Phật ngữ ngăn cản Thanh-văn thừa. Tánh Đại thừa đó từ mười xứ này, đối với Thanh-văn

thừa chưa từng thấy nói, chỉ có các kinh luận trong Đại thừa là nói đến. Nói mười xứ này là khả năng tối thượng dẫn khởi tánh đại Bồ-đề, là khéo thành lập tùy thuận không trái nghịch, vì có thể chứng đắc trí của Nhất thiết trí. Ở đây có hai bài tụng:

*Sở tri y và sở tri tướng,  
Bỉ nhập nhân quả, bỉ tu dị,  
Ba học, bỉ quả đoạn và trí,  
Tối thượng thừa thâm thù thắng.  
Thuyết này, các thừa thấy, không thấy,  
Nhân Bồ-đề, tối thắng do đây,  
Nên nhận Đại thừa là Phật ngữ,  
Do nói mười xứ mà thù thắng.*

**Giải thích:** “Lại nữa, thế nào là do mười tướng thù thắng này”? Cũng chưa có tín giải nên đặt ra câu vấn nạn nguyên nhân ấy. Tạo sao? Không phải sáu trong Thanh-văn thừa sáu cú nghĩa chưa từng thấy nói, trong các luận của Phệ-thế sư đều thấy nói, tức khiến cho luận của Phệ-thế sư đúng là Phật ngữ. Câu đáp đầu tiên dung chứa được vấn nạn của người ngoài như vậy, nên sau đó nói chung, mười xứ này là khả năng tối thượng dẫn khởi tánh đại Bồ-đề. Cũng giác cũng đại nên gọi là đại Bồ-đề, hoặc giác ngộ đại tánh nên gọi là đại Bồ-đề. Đại Bồ-đề này, trí đoạn thù thắng lấy nó làm tự tướng thù thắng. Như nói phiền não, đối tượng nhận thức chướng đoạn. Do chướng kia đoạn nên đắc trí vô cấu không trở ngại. Như vậy bốn thứ gọi chung là Bồ-đề. “Khả năng dẫn khởi tối thắng”, là nói mười xứ này là tánh có thể chứng đắc, không phải sáu cú nghĩa, hoặc tối thắng... do đó luận kia không phải thật là Phật ngữ. “K khéo thành lập”, là mười xứ như vậy chỗ tùy của chánh lượng, như đang quyết đoán rộng. “Tùy thuận”, là chủ thể đối hưởng, là có thể thuận nghĩa. “Không trái nghịch”, là không có lỗi trái nghịch, không giống như tà trí của sáu cú nghĩa, hoặc Thanh-văn thừa có lỗi nên trái nghịch Phật quả. Hai bài tụng trong đây, là bài tụng đã giải thích và đang giải thích.

“Thuyết này, các thừa thấy, không thấy”, là thuyết mười xứ thù thắng ngữ này trong các Kinh Luận của Đại thừa đều thấy nói, trong các kinh khác Tiểu thừa đều chưa từng thấy nói.

**Luận nói:** “Lại nữa, tại sao nói mười xứ này theo thứ tự như vậy? Là các Bồ-tát đối với các pháp mà nhân trước hết phải làm cho xong, rồi đối với duyên khởi phải đắc thiện xảo. Sau đó duyên sinh ra phải biết rành tướng của nó, phải khéo xa lìa lỗi nhị biên là tăng ích và tổn

giảm. Rồi lại khéo tu, như vậy Bồ-tát nên thông đạt đúng. Giả chọn lấy tướng khiến từ các chướng mà tâm được giải thoát. Sau đó đã thông đạt tướng của đối tượng nhận thức rồi, trước hết phải hành vị Gia hạnh, do đó chứng đắc sáu Ba-la-mật-đa, càng phải thành mãn ý lạc tăng thượng, mà đắc thanh tịnh. Sau đó ý lạc thanh tịnh gồm sáu Ba-la-mật-đa. Trong mười địa, từng phần sai biệt cần phải siêng năng tu tập, là phải trải qua ba vô số đại kiếp, tiếp theo đối với chỗ học của tam Bồ-đề phải khiến viên mãn. Đã viên mãn rồi thì quả Niết-bàn kia và chánh đẳng Bồ-đề phải hiện đồng chứng, cho nên nói mười xứ theo thứ tự như vậy. Lại nữa, trong đây nói tất cả Đại thừa đều đắc cứu cánh”.

**Giải thích:** Để biện luận do mười xứ này tiến đến đại Bồ-đề, cho nên khai thị lại thứ lớp phương tiện và cái nhân cần thiết, là các Bồ-tát trước hết đối với nhân đắc thiện xảo xong rồi mới đối với duyên khởi phải đắc thiện xảo, biết từ nhân này mà có quả kia, lại biết quả kia phải từ nhân này, nên không phải lia nhân này mà nói giáo có thể biết rõ. Nhân kia tức là thức A-lại-da, do thuyết này mà liền xả vô nhân và nhân bất bình đẳng. Sau đó đối với pháp do duyên sinh phải hiểu rõ tướng của nó, xa lia bên tăng ích và tổn giảm. Đối với cái không không có nhân gượng lập là có nên gọi là tăng ích. Đối với có, không có nhân thì gượng bác là không có, nên gọi là tổn giảm, như vậy tăng ích và tổn giảm đều gọi là bên, đó là nghĩa rơi rớt. Khi hai bên này chuyển thì hư mất trung đạo. Do khéo luyện tập quán chân thật nên đối với hai bên này xa lia thiện xảo. Đối với Biến kế sở chấp thì chỉ có tăng ích không có tổn giảm, đều không có, vì phải đối với có mới khởi tổn giảm. Đối với Y tha khởi thì không có tăng ích, vì có thể nên đối với chẳng phải hữu mới có tăng ích, cũng không có tổn giảm, vì chỉ là hư vọng có. Đối với Viên thành thật thì không có tăng ích, vì là thật có nên chỉ có tổn giảm, do quán chân thật này, hoặc đối với hai bên ấy mà “Khéo có thể xa lia lối nhị biên bên tăng ích và tổn giảm”, là đối với tánh Y tha khởi, thì tăng ích thật ra không có tánh Biến kế sở chấp, tổn giảm thì thật ra có tánh Viên thành thật.

Lại nữa, như trong kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: “Này từ thị! Ý ông thế nào? Trong các Biến kế sở chấp không phải thật có tánh, là sắc hay phi sắc? Không phải như vậy, bạch Thế Tôn! Trong các Y tha khởi chỉ có danh và tướng nên đặt ngôn thuyết, tánh là sắc hay phi sắc thì không phải như vậy, bạch Thế Tôn! Không. Tánh vô ngã kia trong các Viên thành thật là sắc hay phi sắc, không phải như vậy, bạch Thế Tôn! Này từ thị! Vì môn này nên phải biết như vậy, các Biến kế sở chấp



quyết định là chẳng phải, các tánh Y tha khởi thì chỉ có danh tướng nêu đặt nói năng, các Viên thành thật thì tánh không, vô ngã, là có chân thật. Ta nương đây mà mật ý nói Viên thành thật kia không có hai tâm sở, chỉ là sắc... Như vậy là giải thoát lỗi nhị biên”.

Đối với ba tự tánh đặc thiện xảo xong. Do tánh duy thức, phải khéo thông đạt tướng nhập của đối tượng nhận thức, tức là thông đạt làm chứng, hoặc do đấy nên thuận với thông đạt, sau đó thì thuận với tánh Duy thức. Thể của thông đạt nhập vào chỗ tu sáu Ba-la-mật-đa, do thắng nghĩa, càng phải chứng đắc ý lạc thanh tịnh, càng phải thâm nhận dục và thắng giải, gọi là ý lạc. Hai thứ này lúc đó tuy không có tăng thêm tâm sở, nhưng chứng tịnh thâm tóm do đó nói là thanh tịnh, sau đấy thì mười xứ kia trong mười địa, đối với ba học siêng năng tu học, ba vô số kiếp tu tập nên phải khiến cho viên mãn. Tiếp theo thì hai chương phiền não, đối tượng nhận thức của quả kia vĩnh viễn đoạn, trí vô cấu không trở ngại và trí của Nhất thiết trí càng phải chứng đắc. Như vậy chỗ biện luận về thứ lớp phương tiện và chỗ nhân cần thiết là có thể thuận với tánh đại Bồ-đề, tức do thứ lớp như vậy được nói ra, chỉ có mười xứ bất tăng bất giảm. Như thế thích chủ đã tùy thuận hai luận, do đó phải biết, đạo của Thanh-văn thừa tức là đạo của Phật thừa thì không đúng đạo lý. Nếu thế thì quả của nó không có sai biệt. Lại nữa, trong tất cả Thanh-văn thừa chưa từng có xứ, chỉ vì các Bồ-tát mà rộng nói Phật đạo. Lại cũng không thừa nhận Phật và Thanh-văn không có sai biệt. Thầy trò truyền nhau kiến lập lẽ ra không có, vì thuyết này có hai đạo sai biệt, do đó nói mười xứ này gồm thâu hết Đại thừa, cả thầy Cương yếu Đại thừa không có nói riêng.

-----

**Phần thứ 2, (Đoạn 1): CHỖ DỰA CỦA ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC**

**Luận:** “Trong đây đầu tiên hay nói chỗ dựa của đối tượng nhận thức, tức là thức A-lại-da. Đức Thế Tôn trong kinh luận nào nói thức A-lại-da là thức A-lại-da? Là đức Bạc-già-phạm trong Đà-tha (kệ) của kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma đã nói:

*Giới vô thỉ đến nay,  
Tất cả pháp cùng nương,  
Do đây có các cõi,  
Và Niết-bàn chứng đắc”.*

**Giải thích:** Đây là dẫn A-cấp-ma chứng minh thức A-lại-da gọi là chỗ dựa của đối tượng nhận thức. “Vô thỉ đến nay”, là chỗ bắt đầu không có, “giới” là nhân, tức là chủng tử. Là nhân chủng của ai? Là nhân chủng của tất cả pháp chỉ có tạp nhiễm, không phải thanh tịnh, sau sẽ nói chỗ dựa của huân tập đa văn không phải chỗ gồm thâu của thức A-lại-da. Nếu như thức A-lại-da thành chủng tử thì chỗ gồm thâu của tác ý như lý là chỗ khởi của tợ pháp tợ nghĩa. “Tất cả pháp cùng nương”, là có thể thâu giữ nên không phải tánh của nhân, nghĩa là chủ thể nhận giữ, nghĩa là chỗ dựa, không phải nghĩa là tánh của nhân. Tánh của chủ thể dựa vào và chỗ dựa mỗi mỗi đều khác nhau, nếu không phải như vậy, thì giới thanh (tiếng giới) đã hết không có gì mượn để nói.

“Do đây có các cõi và Niết-bàn chứng đắc” là như chỗ chọn lựa sẽ rộng phân biệt, là sinh các tạp nhiễm... các Na-lạc-ca (địa ngục)..., nếu lìa thức A-lại-da thì đều không có những thứ sinh này. Tạp nhiễm rốt ráo ngừng dứt gọi là Niết-bàn, nếu lìa thức A-lại-da thì không phải chứng đắc.

**Luận nói:** “Trong đây lại nói tụng:

*Do thâu chứa các pháp,  
Hết thấy chủng tử thức,  
Nên gọi A-lại-da,  
Thắng giả, ta khai thị”.*

**Giải thích:** Lại dẫn điều mà Thánh ngôn nói, để làm chứng thức A-lại-da gọi là A-lại-da. Có thể thâu chứa các pháp, đó là nghĩa đối tượng được huân tập, là nghĩa tập khí, không giống như đại... hiển rõ pháp tánh. Trong tạng tối thắng, thức A-lại-da thâu chứa các pháp cũng lại như vậy, vì nói gọn nghĩa nó, nên nói hết thấy chủng tử thức, vì cùng hết thấy chủng tử sinh diệt. Thức A-lại-da cùng với các thức chuyển làm duyên lẫn nhau, lẫn lượt thâu chứa, nên gọi là thức A-lại-da, không

giống như tối thắng, tức là hiển rõ tánh, vì hiển tự để lựa riêng yếu kém. “Thắng giả, ta khai thị”, tức là đại Bồ-tát có thể gắng nhận nên gọi là thắng giả, vì đại Bồ-tát mà khai thị, không phải vì các hàng yếu kém khác.

**Luận nói:** “Như vậy lại dẫn A-cấp-ma làm chứng. Duyên có gì mà thức này gọi là thức A-lại-da ? Tất cả hữu sinh phẩm pháp tạp nhiễm, đối với thức này đều chứa làm quả tánh. Lại nữa, ngay thức này đối với pháp tạp nhiễm kia đều chứa làm nhân tánh, nên gọi là thức A-lại-da, hoặc các hữu tình đều chứa thức này làm tự ngã, nên gọi là thức A-lại-da”.

**Giải thích:** “Tất cả hữu sinh”, là các hữu vi. “Phẩm pháp tạp nhiễm”, là lựa riêng với pháp thanh tịnh, không phải pháp thanh tịnh là tánh tạp nhiễm, là chỗ đối trị kho tàng chứa của tất cả tạp nhiễm, chỗ đều chứa của thể tánh chủng tử, có thể trị tạp nhiễm kia mà không trái nghịch lẫn nhau, làm tánh của nhân quả là đúng đạo lý, nhưng được làm chỗ dựa. Nếu xử có đối tượng đối trị thì cũng có chủ thể đối trị. Đối với đều chứa này hiển chủ thể duy trì tập khí, vì không phải chỉ có tập khí gọi là thức A-lại-da, phải chủ thể duy trì tập khí như luận trên nói ý thức: “Hoặc các hữu tình đều chứa thức này làm tự ngã”, là nghĩa chấp giữ.

**Luận nói:** “Lại nữa, thức này cũng gọi là A-đà-na thức”. Trong đây A-cấp-ma, như kinh Giải Thâm Mật nói:

*“Thức A-đà-na sâu, vi tế,  
Hết thấy chủng tử như dòng thác,  
Ta đối phạm ngu không khai diễn,  
Vì sợ phân biệt chấp làm ngã”.*

**Giải thích:** Lại dẫn tên khác mà giáo khác nói, để khai thị kiến lập thức A-lại-da khiến nó hết sức rõ. Nói “Thâm thâm”, là vì người thông thái ở đời với tất cả giác huệ của họ cũng tới cùng đáy không được. Nói “vi tế”, là các Thanh-văn khó biết rõ, do đó không vì Thanh-văn, Độc giác mà khai thị thức này, vì họ không cầu trí của thấy trí. “Hết thấy chủng tử như dòng thác”, là từng sát-na lần lượt nối tiếp như dòng thác chảy. “Ta đối phạm ngu không khai diễn”, là đối với những người giữ chặt ngã kiến không khai diễn. “Vì sợ phân biệt chấp làm ngã”, làm sao mà dung chứa được phân biệt kế chấp cùng biên vực sinh tử đó được, chỉ là một loại hành tướng không có thay đổi !

**Luận nói:** “Duyên gì mà thức này gọi là thức A-đà-na? Vì chấp thọ tất cả hữu sắc căn, vì tất cả tự thể nắm lấy chỗ dựa. Tại sao vậy?

Vì các hữu sắc căn do thức này chấp thọ mà không bị hoại mất, hết thọ mạng thì tùy chuyển. Lại nữa, khi tương tục chánh kết sinh, thì nắm lấy thức này mà sinh nên chấp thọ tự thể, do đó thức này cũng gọi là thức A-đà-na”.

**Giải thích:** “Vì chấp thọ tất cả căn hữu sắc...” là hiển nhân của thanh chuyển lấy chủ thể chấp thọ, tất cả các căn hữu sắc của nhãn... cùng chung an nguy, thọ mạng hết thì tùy chuyển, nên gọi là thức A-đà-na. Nếu không như thế thì đáng lẽ giống như thân chết, tức là liền hoại mất. “Vì tất cả tự thể nắm lấy sở y...”, là hết thấy, hoặc một hoặc nhiều, hết thấy tự thể nắm lấy tánh chỗ dựa. Nếu các căn của sắc chưa sinh khởi, hoặc tự thể của vô sắc giới sinh khởi gọi là “Tương tục”. Thân nhận tự thể kia nên gọi là “Chánh kết sinh”. Vì thọ tự thể kia mà sinh, tinh huyết hợp chung, không phải không có thức A-lại-da mà có tự thể chấp thọ một thời kỳ, ví như hiên nhà ở thân lấy ánh sáng, là chỗ huân tập tập khí nơi tự thể trong một thời kỳ.

**Luận nói:** “Thức này cũng là tâm, như đức Thế Tôn nói ba thứ tâm ý thức. Ý trong đây có hai thứ: Đệ nhất ý cùng làm chỗ dựa nơi tánh của duyên đẳng vô gián. Vô gián diệt, thức có thể cùng với ý thức làm chỗ dựa để sinh khởi. Đệ nhị ý nhiệm ô cùng với bốn phiền não hằng tương ứng chung: 1. Tát-ca-da kiến. 2. Ngã mạn. 3. Ngã ái. 4. Vô minh. Bốn phiền não này tức là chỗ dựa nơi thức của thức tạp nhiễm, lại do đệ nhất ý kia nương vào sinh khởi, vì đệ nhị tạp nhiễm có nghĩa là biết rõ biệt cảnh, do nghĩa đẳng vô gián, nghĩa tư lương, mà ý thành hai thứ”.

**Giải thích:** “Thức này cũng gọi là tâm”, là dẫn các giáo khác đã đặt tên khác, khiến cho lý này kiên cố. “Đệ nhị nhiệm ô ý”, là sự nhiệm ô của bốn phiền não là Tát-ca-da kiến... Trong đây, Tát-ca-da kiến là chấp trước một cách bền chắc tánh của ngã, ngã sở. Do thế lực của chấp này, khởi ngã mạn, y lại vào ngã và ngã sở mà tự đề cao. Có hai thứ này nên liền khởi ngã tham, gọi là ngã ái. Ba thứ này đều do vô minh làm nhân. Vô minh, tức là không có trí để hiểu rõ chỗ đối trị, vô minh này tức là chỗ dựa của thức nhiệm ô. Trong các vị thiện của định và bất định, đều không trái nhau vì hằng hiện hành. Đó là những gì ? Là vì khi tâm thiện cũng có chấp ngã. Do “ý đệ nhất nương vào sinh”, là do ý đẳng vô gián diệt. Do “Đệ nhị ý nhiệm ô”, là do bốn phiền não tương ứng với ý, vì kế chấp ngã... có thể khởi nhiệm ô. “Nghĩa biết rõ biệt cảnh”, là nghĩa có thể nắm lấy tự hiện cảnh, đây là giải thích tên của thức. “Vì nghĩa vô gián, nghĩa tư lương nên ý thành hai thứ”, đây là giải thích tên của ý. Nếu lià nghĩa đạo lý của âm thanh lời nói, huấn từ

và giải thích, rốt cùng không thể khiến cho người khác sinh hiểu biết.

**Luận nói:** “Lại nữa, làm sao biết được có ý nhiễm ô? Là ý này nếu không có bất cộng, thì vô minh không được có, vì thành lỗi. Lại nữa, năm pháp đồng cũng không có được, vì thành lỗi. Tại sao vậy? Vì năm thức thân phải có nhân... làm chỗ dựa cùng hiện hữu. Lại nữa, các ngôn từ huấn thích cũng không có được, vì thành lỗi. Lại nữa, sai biệt của định vô tướng và định diệt tận cũng không có, vì thành lỗi, là vì chỗ hiển của ý nhiễm của định vô tướng, không phải định diệt tận. Nếu không như thế thì hai định này đáng lẽ không có sai biệt. Lại nữa, trời vô tướng trong một thời kỳ sinh thì phải không có nhiễm ô, vì thành lỗi, trong đó hoặc không có ngã chấp và ngã mạn. Lại nữa, tất cả thời ngã chấp hiện hành, vì hiện có thể đắc, là trong tâm thiện, bất thiện và vô ký, nếu không như thế thì chỉ có tâm bất thiện tương ứng với ngã chấp kia, nên có phiền não của ngã, ngã sở hiện hành, không phải thiện và vô ký, do đó nếu lập cùng có hiện hành, không phải tương ứng hiện hành thì không có lỗi này. Trong đây có tụng:

*Nếu vô minh bất cộng,  
Cùng với năm pháp đồng,  
Huấn từ, hai định, khác,  
Không có, đều thành lỗi.  
Vô tướng chủ yếu không,  
Ngã chấp chuyển thành lỗi,  
Ngã chấp hằng đeo đuổi,  
Hết thấy chủng không có.  
Lìa ý nhiễm không có,  
Hai, ba thành trái nhau,  
Không có các sự này,  
Thì ngã chấp không có.  
Chân nghĩa tâm đang sinh,  
Thường hay làm chướng ngại,  
Đồng hành tất cả phần,  
Là vô minh bất cộng.*

Ý nhiễm ô này là tánh hữu phú vô ký, cùng với bốn phiền não thường chung tương ứng. Như hai phiền não triền, phược của sắc giới và vô sắc giới, chính là thuộc về tánh hữu phú vô ký. Triền, phược của sắc giới và vô sắc giới bị Xa-ma-tha thâm chứa, vì ý này tất cả thời đều gắn liền với vi tế

**Giải thích:** Vì dẫn chánh lý để thành lập ý nhiễm ô, lại lược nêu

nói thẳng các bài Đà-tha. Nói nếu ý nhiễm ô này không có thì vô minh bất cộng không thể có... Nếu không nói có ý nhiễm ô thì vô minh bất cộng không được có. Vô minh bất cộng sẽ nói tướng của nó, là hay chướng ngại chân trí mà sinh ngu. Vô minh này, đối với năm thức không được nói có, vì năm thức đó không có chủ thể đối trị. Nếu năm thức có chủ thể đối trị thì vô minh này có đối tượng đối trị, không phải trong năm thức có chủ thể đối trị kia, vì đối với kiến đạo không sinh khởi, không phải có trong ý thức bất nhiễm. Do bở, thử nên tạo thành tánh nhiễm, cũng không phải có trong ý thức nhiễm ô. Khi cùng với các phiền não tương ứng chung thì tên vô minh bất cộng không được thành. Nếu lập ý thức do phiền não kia tạo thành nhiễm ô, tức phải rớt ráo thành tánh nhiễm ô thì các tâm thí... Đáng lẽ không trở thành thiện, vì các phiền não kia hằng tương ứng nhau.

Nếu lại nói tâm thiện cùng chuyển mà có phiền não, tức là hoàn toàn tương ứng với phiền não kia, các tâm khác thì không có được. Ý thức nhiễm ô này dẫn sinh đối trị là không đúng đạo lý. Hoặc có người nói ý nhiễm ô đồng thời có riêng tâm thiện, có khả năng dẫn sinh đối trị chủ thể đối trị, thì đối tượng đối trị liền diệt mới đúng đạo lý. Nếu như thế thì vô minh bất cộng được lập cũng không thành tựu, vì cùng với các phiền não khác của thân kiến hằng tương ứng. Vấn nạn bất bình của ông là không phải tôi nói vô minh kia cùng với các phiền não khác không tương ứng nên gọi là bất cộng. Nhưng nói hoặc kia là chỗ không có trong phiền não khác nên gọi là bất cộng, ví như mười tám pháp bất cộng của Phật. Trước đã nói “Cùng với các phiền não khác tương ứng thì tên vô minh bất cộng không được thành”, là xét chỗ lập của người khác để hiển lỗi đó. Lại nữa, năm pháp đồng cũng không, nên có lỗi. Đây là phá nghĩa chỉ lập từ sáu duyên đến hai duyên mà sáu thức chuyển, năm thức cùng với ý thức kia có đồng pháp tánh, là từ hai duyên mà được sinh khởi. Ý nhiễm ô nếu không có, thì trái với duyên này. Điều gọi là cùng sinh chỗ dựa nơi duyên tăng thượng không riêng có. Lại nữa, năm thức mỗi mỗi đều có đủ hai duyên, đều là tánh thức. Như vậy, tánh thức cùng có năm thức chuyển y riêng biệt, chỉ có duyên tăng thượng không phải nhân duyên, đây là làm chủ thể dụ. Ý thức cũng như thế, phải có chỗ dựa sai biệt như vậy. Thức A-lại-da tuy là chỗ dựa cùng sinh của ý thức nhưng không nên lập ý thức là chỗ dựa riêng, vì là chỗ dựa chung, vì là tánh của nhân duyên. Chỗ lập của kinh bộ là sắc làm chỗ dựa riêng của ý thức cùng sinh, điều này không thành tựu, không đúng đạo lý. Vì ngay nơi xét chọn theo niệm phân biệt, đáng

lẽ tất cả thời đều không có phân biệt. Do nghĩa này mà chỗ lập sắc vật, ý thức trong tâm điểm của bộ khác đều nương riêng biệt, cũng không thành tựu. Như điều nói lỗi hằng đeo đuổi, ví như các thức chỗ dựa sắc căn, vấn đề khó thông như vậy phải chọn lựa rộng . Lại nữa, các huấn từ giải thích cũng không nên có lỗi thành. Như đã nói huấn thích ý ở trước gọi là dựa nơi tánh tư lương. Nếu không lập có ý nhiệm ô thì dựa nơi tánh tư lương này nương chỗ nào? Sáu thức đã lui mất không nên lập thành ý thức, vì thể diệt mất không còn. Lại nữa, do định vô tướng cùng với định diệt tận sai biệt không có lỗi thành. Nếu có định vị có ý nhiệm ô, thì có này thì tại phạm tương tục và vô này thì tại Thánh tương tục. Như thứ lớp của nó mà đạo lý sai biệt của hai định được thành tựu. Nếu không như thế thì đồng thời với tướng thọ diệt... Có thức hiện hành, phải không có sai biệt, không thể nói tại đệ tứ tĩnh lự hay tại đệ nhất tĩnh lự có địa sai biệt, vì tĩnh lự xuất ly trụ nơi cõi dục sai biệt. Hai định sai biệt là do hai tự tướng không có sai biệt. Tâm và tâm pháp cùng diệt thì nào có khác gì? Hiện tại sự quyết chọn này đối với các sự kinh bộ có tương cận chút ít. Chỗ lập của các bộ kia là hành bất tương ưng không phải do thật vật mà có, thì làm thế nào được hai định thật có sai biệt? Lại nữa, trong một thời kỳ sinh của trời vô tướng, không có ngã chấp chuyển đáng lẽ thành lỗi. Nói “Vô tướng”, là nếu sinh trong trời vô tướng thì tâm và tâm pháp diệt mất. Khi bắt đầu tiếp tục sinh thì có ngã chấp kia tạm khởi, từ đây về sau tương tục tùy chuyển. Nếu không thừa nhận trời vô tướng kia có ý nhiệm ô, thì trong một thời kỳ sinh đáng lẽ không có ngã chấp. “Chưa từng thấy có đủ phiền não”, là trong một thời kỳ sinh không có ngã chấp. Lại nữa, vì chư Thánh hiện đồng chê trách, không phải sinh sát-na mà hiện khởi ý thức, chỗ dựa của ngã chấp làm thế lực dẫn phát, gọi là có ngã chấp chưa vĩnh viễn đoạn, như có mắc bệnh cuồng thì mới đúng đạo lý. Chỗ dựa của ngã chấp đều diệt mất, thế lực dẫn phát cũng không có chỗ dựa khác là không đúng đạo lý. Tập khí của ngã chấp tại thân tương tục cũng không đúng đạo lý, vì sắc pháp thọ nhận huân tập cũng không đúng đạo lý, vì không có từ năng lực nhận. Lại nữa, sự kinh bộ không nói chỉ có sắc gọi là tâm pháp, đây là chỗ không có duyên đẳng vô gián, vì bốn duyên định của tâm và tâm pháp. Nếu nói riêng thường có tâm cùng khởi, thì chỗ dựa của ngã chấp ở đây không có lỗi. “Lại nữa, ngã chấp đeo đuổi mọi lúc là không đúng đạo lý”, là nếu không nói có ý nhiệm ô thì nghĩa của mọi lúc không phù hợp. Thiện của thí... thành lập cũng có ngã chấp, thường là chỗ đeo đuổi theo tự mình, là nói : “Ta có thể tu hạnh thí...”. Không phải lia vô minh

ngã chấp mà đeo đuổi, không phải lìa y chỉ mà có vô minh, vì là tâm pháp, chỗ dựa này lìa ý nhiễm ô thì quyết định là không có, không phải là tâm thiện, mà là chỗ dựa của vô minh mới đúng đạo lý. Như nói:

*Như vậy ý nhiễm ô,  
Là chỗ dựa của thức,  
Chưa diệt phược của thức,  
Rốt cùng chưa giải thoát.*

“Không có hai”, là vô minh bất cộng và năm pháp đồng. “Ba thứ thành trái nhau”, là ngôn từ, huấn thích, hai định sai biệt và sinh trời vô tướng mà ngã chấp đeo đuổi, ba thứ như vậy đều thành trái nhau. Trước đã lược nêu vô minh bất cộng, hiện tại vì giải thích rộng nên nói “Chân nghĩa, tâm đang sinh...”, là có thể chướng ngại nghĩa thấy chân thật, vì đây nếu hiện hữu thì kia không sinh. “Đồng hành tất cả phần”, là trong các vị thiện, bất thiện và vô ký, có nghĩa là luôn tùy chuyển.

**Luận nói:** “Tâm thể thứ ba, nếu lìa thức A-lại-da thì không thể đặc riêng, nên thành tự thức A-lại-da lấy làm thể, do thức này làm chủng tử ý và thức chuyển”.

**Giải thích:** “Tâm thể thứ ba nếu lìa thức A-lại-da thì không thể đặc riêng”, là như ý tiếng nói là ý nhiễm ô, ý vô gián diệt tiếng thức thì nói là sáu thứ chuyển thức, như vậy tiếng tâm lìa hai thứ vô thể thì có thể đặc. Không phải vô thể mà có chủ thể nêu giảng, cũng không phải hai tiếng của ý thức dị môn, vì đối tượng được nêu giảng khác nhau. Trong đây thể tiếng ý nắm lấy đối tượng được nêu giảng, “Cho nên thành tự thức A-lại-da”, hiển thức A-lại-da là đạo lý quyết định đối tượng được nêu giảng của tiếng tâm.

**Luận nói:** “Nhân duyên gì mà cũng gọi là tâm? Vì do chỗ tích tập của vô số pháp huân tập chủng tử”.

**Giải thích:** “Do vô số pháp”, là do vô số phẩm loại chuyển thức. “Chỗ thâm tóm các pháp huân tập chủng tử”, là chỗ huân tập thành công năng sai biệt. “Chỗ tích tập”, là chủng loại xen tạp tích tập trong đó. “Vi”, tức là nghĩa môn và nghĩa dựa vào, đây là hiển thị chuyển nhân của tiếng tâm.

**Luận nói:** “Lại nữa, tại sao trong Thanh-văn thừa, không nói tâm này là thức A-lại-da, mà gọi là thức A-đà-na”? Vì chỗ thâm tóm của cảnh sâu vi tế này. Tại sao vậy? Vì Thanh-văn không đối với tất cả cảnh, trí, xứ chuyển, do đó đối với cảnh, trí, xứ kia tuy lìa thuyết này, nhưng trí thì được thành, giải thoát thành tự, nên không nói cho Thanh-văn. Nếu các Bồ-tát quyết định đối với tất cả cảnh, xứ, trí chuyển, thì vì



họ mà nói. Nếu lia trí này, không dễ gì chứng đắc trí của hết thủy trí”.

**Giải thích:** “Do chỗ thâm tóm của cảnh sâu vi tế này”, đây là hiển thức A-lại-da cũng là sâu xa vi tế cũng là của cảnh đối tượng nhận thức. Do sâu vi tế nên không thể nói cho các Thanh-văn, vì chỗ gồm thâm của họ là cảnh của đối tượng nhận thức thô thiển, là chỗ ứng hoá nên cảnh trí sâu xa vi tế đối với họ không có ân gì. “Vì các Thanh-văn không đối với tất cả cảnh trí xứ chuyển”, đây là hiển họ không có công năng hy vọng nơi xứ tướng. “Do đó đối với cảnh trí xứ kia tuy lia thuyết này”, là đối với Thanh-văn tuy lia nói thức A-lại-da, cho họ nhưng vì cảnh giới của sắc... là thô thiển, tánh của khổ tập... là các hạnh vô thường, khi chánh quán sát thì liền có thể vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não. Vì nghĩa này mà họ nương vào điều Thế Tôn dạy, siêng tu phạm hạnh. Nói sắc thô thiển, là thể tướng của các sắc thô thiển. Hành tướng các pháp đối tượng duyên của thọ... Có thể dễ phân biệt, vì hành tướng thô, cùng với đối tượng duyên này trái nghịch nhau, như chỗ thích ứng đó mà thức A-lại-da gọi là sâu xa vi tế. Như nói: “Ta không nói một pháp cho người chưa thông đạt và chưa biến tri”, đây là mật ý nói, không đoạn phiền não mà lấy tiếng biệt tướng nói xứ của tổng tướng, không phải các phiền não mỗi mỗi đều có đoạn diệt riêng, hoặc lấy các hành nơi cộng tướng vô thường nên không vì đó nói, thức A-lại-da cũng không có lỗi. Hoặc các Bồ-tát quyết định đối với tất cả cảnh trí xứ chuyển, là hiển Bồ-tát có uy lực của chủng tánh, vì cùng với công năng hy vọng nơi xứ tướng có đủ tương ứng. Tánh Nhất thiết trí làm thời kỳ nơi xứ khác nhau, điều này không thể làm nghĩa lợi cho người khác. Tại sao vậy? Vì không phải Nhất thiết trí không có sự gắng nhận tùy thuận biết ý lạc của người khác. Lĩnh vực tùy miên căn hơn kém, cơ năng lực, không năng lực thời phần có sai biệt, đủ làm nghĩa lợi của tất cả người khác. Các sự như vậy là chỗ cầu của Bồ-tát, cho nên vì Bồ-tát mà nói thức A-lại-da. “Nếu lia trí này”, là nếu lia thức A-lại-da thì trí không thể đoạn vĩnh viễn, đối với nghĩa biến kế thì trí kia không đoạn, thì Trí vô phân biệt không được có chấp, vì có nghĩa Biến kế sở chấp. Do nhân duyên này thì “Không dễ chứng đắc trí của Nhất thiết trí”. Tại sao vậy? Có thể chứng cộng tướng của tất cả đối tượng nhận thức, là trí phân biệt đó biết tự tướng phân biệt của nghĩa biến kế lần lượt bất đồng vì vô biên, quyết định không có khả năng để chứng đủ tất cả. Nếu biết trí phân biệt này chỉ có thức A-lại-da, có thể sinh lực chuyển biến của tập khí thì nghĩa hữu tình ngã hiển hiện mà chuyển. Lúc đó giác tri không có chỗ giữ lấy nghĩa, như vậy chủ thể nhận thức cũng không có chủ thể giữ lấy, do đây

mà chứng đắc Trí vô phân biệt. Kế tiếp trí hậu đắc như chỗ tập quen mà thông đạt pháp tánh, do chỗ hiển cộng tướng của tất cả pháp, chân như nhất vị biết hết thấy pháp, trong một sát-na cũng dễ chứng đắc, vì hết thấy cảnh trí không phải vô biên, nhưng lại nói: “Phải trải qua ba vô số kiếp”, đây là hiển tích tập tư lương rộng lớn mới có thể chứng đắc thù thắng rộng lớn, là nhất thiết chủng tướng với quả trí vi diệu. Như điều nói ấy thì quả trí tư lương không lìa cảnh vô ngã của chủ thể chứng pháp, nên nói tụng:

*Không phải hết thấy cảnh sở tri,  
Không đoạn sở chấp pháp phân biệt,  
Mà có thể chứng Nhất thiết trí,  
Cho nên tuyên thuyết pháp vô ngã.*

Vì không khéo thông đạt lý giáo như vậy nên có tụng nói:

*Do tương tục kia có gắng nhận,  
Nên biết như lửa ăn tất cả,  
Phải nên nhận Nhất thiết trí ấy,  
Hay khởi tất cả, biết tất cả.*

Do đó đối với những người biết và không biết thức A-lại-da này, thì dễ chứng hoặc khó chứng Nhất thiết trí, quyết định nương vào tông ấy mà khởi nói như vậy. Không phải người biết hết thấy pháp vô ngã gọi là Nhất thiết trí, vì trí đó tuy là Nhất thiết trí nhưng không phải là hết thấy chủng trí.

